

Bản án số: **21/2018/HS-PT**

Ngày: 24 – 4 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngô.

Các Thẩm phán: 1. Ông Huỳnh Đức Khải.

2. Ông Phạm Hùng Nuôi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/4/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 14/2018/TLPT-HS ngày 12/3/2018 đối với bị cáo Đinh Hải B do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2018/HS-ST ngày 05-02-2018 của Tòa án nhân dân TP. S, tỉnh Sóc Trăng.

Bị cáo có kháng cáo: **Đinh Hải B**, sinh năm 1983, tại Hậu Giang; Nơi cư trú: Số 244 ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Nhân viên Ngân hàng; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12 (đại học); dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Công H (chết) và bà Nguyễn Thị N (s); có vợ Võ Bích H1, sinh năm 1990 và con 02 người (Lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. (có mặt tại phiên tòa)

Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Bị hại ông Trần Hữu Đ và bà Võ Thanh T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thanh T1, Ngân hàng A;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đinh Hải B là nhân viên hợp đồng tại Ngân hàng A - chi nhánh Sóc Trăng, địa chỉ tại Số 73-75 đường T, P3, TP. S, tỉnh Sóc Trăng công việc của B là phụ trách quan hệ và quản lý, đôn đốc nợ các khách hàng vay vốn cá nhân.

Trong thời gian làm việc tại Ngân hàng, B đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản người khác, cụ thể như sau: Vào năm 2014, vợ chồng ông Trần Hữu Đ

và bà Võ Thanh T có làm hợp đồng vay thế chấp tài sản số tiền 300.000.000đ của Ngân hàng A với tài sản thế chấp là 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên của ông Đ và bà T, đến khoảng tháng 4-2017 thì ông Đ và bà T có ý định thanh toán hết số tiền vay còn lại để lấy tài sản thế chấp là 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra. Do đó, ông Đ và bà T đã yêu cầu em ruột của bà T là bà Võ Thanh T1 trả lại số tiền đã mượn để ông bà để đủ tiền trả cho ngân hàng thì bà T1 đã trả lại được 90.000.000đ, tiền nợ còn lại thì bà T1 đem 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến gặp Đình Hải B là cháu rể của bà T1 và bà T để nhờ B làm thủ tục vay tiền tại Ngân hàng A – chi nhánh Sóc Trăng nơi B làm việc số tiền 80.000.000đ để đưa cho ông Đ và bà T, đồng thời nhờ B kiểm tra lại số tiền mà ông Đ bà T còn đang nợ ngân hàng thì B trả lời là còn nợ 245.000.000đ. Sau khi gặp B xong thì bà T1 nói cho ông Đ và bà T biết sự việc trên và nói khi nào ông Đ, bà T đem tiền đi chuộc giấy thì gặp B để lấy số tiền 80.000.000đ mà bà T1 nhờ B vay. Lúc này, do đang thiếu nợ nhiều người nên B nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt số tiền của ông Đ và bà T để trả nợ, nên mặc dù biết rõ bà T1 là khách hàng thuộc nhóm nợ xấu không thể vay thêm nhưng B vẫn thông báo cho bà T1 biết là vay được tiền và ngày 10-4-2017, thì B kêu ông Đ và bà T đem số tiền 165.000.000đ lên Ngân hàng A- chi nhánh Sóc Trăng đưa cho B thì cộng thêm số tiền 80.000.000đ, B vay cho bà T1 nữa là đủ và B sẽ làm thủ tục thanh toán hợp đồng và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra cho nhưng thực tế B không có thẩm quyền thu tiền khách hàng và cũng không có thực hiện được việc thanh toán hợp đồng như đã nói mà mục đích của B là lừa đảo ông Đ bà T tin tưởng đưa tiền cho mình để chiếm đoạt số tiền này.

Đến ngày 11-4-2017, ông Đ và bà T đem số tiền 165.000.000đ đến Ngân hàng A - chi nhánh Sóc Trăng để gặp B theo lời hẹn thì B dẫn bà T và ông Đ lên bàn làm việc tại quầy số 10 trên lầu 1 của Ngân hàng, tại đây bà T đã đưa cho B số tiền 165.000.000đ, không có làm biên nhận. Sau khi nhận tiền thì B kêu bà T và ông Đ ngồi đợi để B lên lầu làm thủ tục và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra cho, nhưng thực tế B chỉ giả vờ lên lầu rồi quay xuống nói dối là do Giám đốc đi vắng nên chưa lấy giấy ra được nên hẹn bà T ông Đ ngày mai quay lại làm thủ tục. Ngày 12-4-2017, khi ông Đ và bà T quay lại theo lời hẹn thì B tiếp tục nói dối là do Giám đốc chưa về nên hẹn ông bà ngày hôm sau đến. Đến ngày 13-4-2017, thì B nộp số tiền 46.552.194đ trong số tiền 165.000.000đ đã nhận vào tài khoản của vợ chồng ông Đ và bà T để đóng nợ gốc và lãi vay ngân hàng đến kỳ hạn, số tiền còn lại là 118.447.806đ thì B chiếm đoạt đem trả nợ cho ông Nguyễn Văn C số tiền 100.000.000đ, còn lại B tiêu xài cá nhân hết. Cũng trong ngày 13-4-2017, khi bà T và ông Đ đến Ngân hàng gặp B theo lời hẹn thì B tiếp tục nói dối là do Giám đốc đi vắng nên chưa làm thủ tục được thì bà T kêu B đưa giấy nộp tiền lại cho bà giữ thì B lấy mẫu giấy nộp tiền của Ngân hàng rồi tự ghi nội dung là đã thu số tiền 165.000.000đ, người thu là B còn người nộp thì B ký tên của ông Đ, rồi đưa liên 2 màu vàng được can kê lại cho bà T để bà T tin tưởng đi về, còn liên 1 thì B viết xong đã vứt bỏ. Sau đó, B nhiều lần hứa hẹn lấy giấy đã thế chấp ra cho bà T, ông Đ nhưng vẫn không thực hiện đúng lời hứa nên ngày 25-4-2017, bà T đến ngân hàng gặp B thì B nói là chưa vay được 80.000.000đ cho bà T1 và Giám đốc đi

công tác chưa về nên chưa làm thủ tục lấy giấy trả cho bà T được. Lúc này, bà T yêu cầu B trả lại số tiền 165.000.000đ thì B nói là đã nộp vào ngân hàng hết rồi, khi bà T yêu cầu phải có giấy tờ để làm tin thì B dùng thủ đoạn gian dối là tự soạn một giấy đề nghị trả nợ trước hạn với nội dung là đã thu số tiền 165.000.000đ, số tiền còn lại phải nộp là 74.000.000đ, trong giấy này B giả chữ ký của Phó Giám đốc Ngân hàng là bà Quách Ngọc Anh Th rồi đóng dấu tên, dấu chức danh lên và đưa cho bà T cùng với giấy nộp tiền màu xanh là giấy thật mà B có khi nộp số tiền 46.552.194đ vào tài khoản của bà T và ông Đ ngày 13-4-2017 trước đó, mục đích là để bà T tin tưởng ra về. Tuy nhiên, sau nhiều lần B hứa hẹn nhưng không thực hiện việc thanh lý hợp đồng vay và lấy tài sản thế chấp ra nên bà T đến Ngân hàng A – chi nhánh Sóc Trăng yêu cầu Lãnh đạo ngân hàng giải quyết thì B nghĩ việc không đi làm tại Ngân hàng nữa, phát hiện bị B lừa đảo nên bà T và ông Đ đã đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an TP. S để trình báo sự việc.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HS-ST ngày 05-02-2018 của Tòa án nhân dân TP. S, quyết định:

Căn cứ điểm e Khoản 2 Điều 139; điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tuyên bố:

Bị cáo Đinh Hải B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đinh Hải B 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và bị hại và người tham gia tố tụng khác.

Đến ngày 21/02/2018 bị cáo Đinh Hải B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.
- Đại diện viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng giữ quyền công tố nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và áp dụng Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo nộp trực tiếp cho Tòa án nhân dân TP. S vào ngày 21/02/2018, theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 thì việc kháng cáo của bị cáo là hợp lệ nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo và giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo: Bị cáo là nhân viên hợp đồng của Ngân hàng A - chi nhánh Sóc Trăng, địa chỉ tại Số 73-75 đường T, P3, TP. S, tỉnh

Sóc Trăng, công việc của bị cáo là phụ trách quan hệ, quản lý, đơn đốc nợ các khách hàng vay vốn cá nhân. Trong thời gian làm việc tại ngân hàng từ tháng 4-2017 đến ngày 12-5-2017, do muốn có tiền phục vụ cho nhu cầu cá nhân, nên khi ông Trần Hữu Đ và bà Võ Thanh T đến ngân hàng đưa cho bị cáo số tiền 165.000.000đ, để làm thủ tục thanh toán hợp đồng vay tiền giữa Ngân hàng với ông Đ và bà T, thì bị cáo chỉ nộp số tiền vào ngân hàng là 46.552.194đ để đóng nợ gốc và lãi vay đến kỳ hạn cho ông Đ và bà T, rồi làm thủ tục giả đưa cho ông Đ và bà T chứ không làm thủ tục thanh toán hợp đồng, số tiền còn lại là 118.447.806đ thì bị cáo chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân hết. Lời thừa nhận hành vi của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, lời khai người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên hành vi phạm tội của bị cáo bị cấp sơ thẩm truy tố và xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là chính xác là phù hợp với pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Xét thấy, khi lượng hình cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ nói trên là chính xác là phù hợp với pháp luật. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không đưa ra được tình tiết nào mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên là áp dụng Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đinh Hải B.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm thì bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật vì đơn kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận.

[5] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

[1] Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đinh Hải B. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm e Khoản 2 Điều 139; điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)

Tuyên xử: Xử phạt bị cáo Đinh Hải B: 03 năm tù (ba năm tù) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo chấp hành án.

[2] Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

[3] Các phần quyết định khác của quyết định bản án hình sự sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng
- TAND TP. S (2 bản);
- VKSND TP. S;
- CQĐT - Công an TP. S
- Chi cục THADS TP. S;
- Bị cáo, bị hại.
- PKTNV-THA – TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sơ Tư pháp;
- Lưu hs, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Ngô